

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MHB**

# MỤC LỤC

— oOo —

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT	03
3. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	04 - 06
4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	07 - 10
5. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	11

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

*Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.*

### 1. Thông tin chung về công ty:

#### Thành lập:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MHB được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005787 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2006.

Tên tiếng anh: MHB SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt: MHBS.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: 153 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính:

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính gồm có:

#### Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Nam Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Quang Huy	Ủy viên
Bà Lê Thị Thanh Bình	Ủy viên
Bà Ngô Thị Thanh Thùy	Ủy viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Thanh Thùy	Trưởng ban
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Thanh Bình	Tổng Giám Đốc
Ông Đoàn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Mỹ Linh	Kế toán trưởng

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012. Trong việc soạn lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 được lập căn cứ trên số liệu các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Tại HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2012



LƯU THỊ THANH BÌNH

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
**Auditing & Informatic Services Company Limited**  
**Office:** 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
**Tel:** (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281  
**Email:** info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 06.12.435 /AISC-DN2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MHB**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, được lập ngày 13 tháng 07 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MHB từ trang 04 đến trang 11 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào công việc soát xét để hình thành một ý kiến độc lập về báo cáo này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp xác định các chỉ tiêu vốn khả dụng và giá trị rủi ro bao gồm: rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường được lập theo đúng các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về "Chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính"; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2012

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**PHẠM THỊ THANH MAI**

Số chứng chỉ KTV: 1044/KTV  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**KT. LONG GIAM ĐỐC**  
**PHÓ LONG GIAM ĐỐC**

TRỊCH MIỆM HỮU HẠN  
 KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ  
 TIN HỌC THÀNH PHỐ  
 HỒ CHÍ MINH

**HÀNG NGỌC TỬ**

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

## 1. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>155.147.708.524</b>	<b>34.960.029.995</b>	<b>3.922.324.982</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm có phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	170.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	438.993.245		
5	Quỹ Đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ Dự phòng tài chính	438.993.245		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(15.730.277.966)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	34.960.029.995	3.922.324.982
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>		<b>124.110.003.511</b>	

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	-	227.079.870	-
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán nắm giữ có thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khả năng thanh toán theo quy định khoản 5 Điều 5	-	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	-	-	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	-	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	-	227.079.870	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	227.079.870	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
4.1	Tạm ứng	-	-	-
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>227.079.870</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIB**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Số	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	-	13.208.633.877	-
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	-	4.770.268.094	-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	3.250.000.000	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiến án rút ra thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 3	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	3.250.000.000	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	-	5.288.365.783	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		13.208.633.877	
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C</b>			110.674.289.764	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIB**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			15.260.992.861	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	69.143.787	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	15.191.849.074	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	<i>Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ của nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc các ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD</i>	3%	-	-
	<i>Trái phiếu cũng trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm</i>	3%	-	-
5.2	<i>Trái phiếu cũng trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm</i>	4%	-	-
	<i>Trái phiếu cũng trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên</i>	5%	-	-
<b>III. Trái phiếu Doanh nghiệp</b>				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIB**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

IV. Cổ phiếu			101.008.369.761	36.840.142.144
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ đại chúng đang mở	10%	25.736.598.000	2.573.659.800
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	9.626.816.248	1.444.022.437
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	59.500	11.900
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các Công ty Đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	65.644.896.013	32.822.448.007
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%	-	-
<b>A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			2.601.652	1.300.826
15	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch (không bao gồm tương hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch do chuyển sàn giao dịch)	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	2.601.652	1.300.826
VII. Chứng khoán khác			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			31.920.459.000	5.184.091.800
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	VFG	20%	19.920.459.000	3.984.091.800
2	MIBR	10%	12.000.000.000	1.200.000.000
<b>(A) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II+ III+IV+ V+VI+VII+VIII)</b>			<b>148.192.423.274</b>	<b>42.025.534.770</b>

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN THEO ĐỐI TÁC</b>		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	-	-	-	-	1.739.999.340	-	1.739.999.340
2	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại (Repo)	-	-	-	-	-	501.600.000	501.600.000
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại (Reverse Repo)	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách tăng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có ràng buộc chặt	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng:</b>								<b>2.241.599.340</b>
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>								
Thời gian quá hạn		<b>Hệ số rủi ro</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>		<b>Giá trị rủi ro</b>			
1	0 -15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-		-			-
2	16 -30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-		-			-
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-		-			-
4	Từ 60 ngày trở đi	100%	13.423.687.512		13.423.687.512			13.423.687.512
<b>Cộng:</b>								<b>13.423.687.512</b>
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>								
Chỉ tiêu tăng thêm khoản vay, tài tăng đối tác		<b>Mức tăng thêm</b>		<b>Quy mô rủi ro</b>		<b>Giá trị rủi ro</b>		
1	.....							
<b>Cộng:</b>								
<b>(B) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)</b>								<b>15.665.286.852</b>

**Ghi chú:**

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tập đoàn Nhà nước, Tổng Công ty nhà nước, Công ty Nhà nước, Doanh nghiệp nhà nước
- (7) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIB**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

ĐVT: VNĐ

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I.	Tổng Chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	86.482.616.161
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	50.027.189.824
	1. Chi phí khấu hao	1.643.472.317
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	34.960.029.995
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	13.423.687.512
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	36.455.426.337
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	9.113.856.584
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	34.000.000.000
<b>(C) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max[IV,V])</b>		<b>34.000.000.000</b>

<b>(D) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>	<b>91.690.821.622</b>
--	-----------------------

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Stt	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	42.025.534.770	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	15.665.286.852	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	34.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4= 1+2+3)	91.690.821.622	
5	Vốn khả dụng	110.674.289.764	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	120,70%	

Kế toán trưởng

*ML*

TRẦN MỸ LINH

Tp Hồ Chí Minh, Ngày 13 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



LƯU THỊ THANH BÌNH